TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/DS-ST
Ngày 19-05-2025
V/v Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Luỹ - Bà Trần Ngọc Anh.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Trần Thị Tuyết **-** Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa*:* Ông Lê Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 813/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Trần Thị Lệ T, sinh năm 1972.

Trú tại: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1973.

Bà Ngô Thị Kim S, sinh năm 1976.

Trú tại: tổ G, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn T1, sinh năm 1992.

Trú tại: tổ A, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T trình bày:

Bà T với vợ chồng ông N, bà S thường xuyên làm ăn qua lại và quen biết nhau nên bà T có cho vợ chồng ông N, bà S vay nhiều lần tiền cụ thể như sau:

Ngày 01/7/2017 âm lịch, ông N bà S vay số tiền 39.000.000đ, ngày 30/8/2017 âm lịch, vay số tiền 40.000.000đ, ngày 04/4/2019 âm lịch, vay số tiền 12.800.000đ, ngày 20/7/2019 âm lịch, vay số tiền 8.150.000đ, ngày 20/7/2019 âm lịch, vay số tiền 6.950.000đ, ngày 15/8/2019 âm lịch, vay số tiền 21.960.000đ và ngày 18/11/2019 âm lịch, ông N bà S vay tiếp số tiền 10.000.000đ, lãi suất của các lần vay 2%/tháng, vay không thời hạn, có làm biên nhận do bà S, ông N ký tên, ghi họ tên, khi nào cần lấy lại thì bà T cho hay trước 30 ngày. Tất cả các khoản vay trên ông N, bà S có trả lãi đến năm 2020 thì ngưng không trả vốn, không trả lãi, do thời gian quá lâu nên bà T không nhớ rõ số tiền lãi bà S, ông N trả cụ thể là bao nhiêu. Bà T có nhiều lần đến gặp ông N, bà S đòi tiền nhiều lần và có khởi kiện ra Tòa, nhưng do dịch covid 19 nên bà rút đơn, mặc khác ông N bà S có hứa mỗi tháng sẽ trả 5.000.000đ nhưng không thực hiện.

Trong các biên nhận có ghi "Tôi có mượn tiền chị T và T1 số tiền….", nhưng thực chất đây là tiền của cá nhân bà T không có liên quan gì đến T1. T1 là con trai ruột của bà T, sống cùng nhà bà T nên các mẫu biên nhận ghi có T1. (các biên nhận là của bà T in mẫu sẵn, khi có người vay thì ghi họ tên, số tiền….) Đối với các biên nhận nêu trên là do bà S, ông N ghi và ký tên. Bà S ông N đều biết các khoản vay này vì bà T có đến gặp bà S và ông N để chốt nợ nhưng do quen biết nên chỉ nói miệng và không làm biên nhận chốt nợ. Đối với số tiền vay, phần ghi con số cụ thể do ông N bà S ghi, tuy không đúng so với số tiền nhận nhưng phần bằng chữ có ghi cụ thể là số tiền bao nhiêu.

Đối với các biên nhận ngày 04/4/2019, ngày 20/7/2019, ngày 20/7/2019 ghi "BIÊN NHẬN MƯỢN TIỀN HỤI", nhưng thực chất không phải tiền hụi, đây là tiền vay, do biên nhận của tiền vay hết nên bà T mới lấy biên nhận của tiền nợ hụi cho bà S ghi và ký tên. Nay bà T yêu cầu ông N, bà S trả số tiền vay của 07 biên nhận nợ là 138.860.000đồng, không yêu cầu trả lãi, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác. Số tiền vay có lẻ do bà S, ông N có vay có trả nên số tiền lẻ.

Bị đơn bà Ngô Thị Kim S, ông Phạm Văn N vắng mặt từ khi Toà án thụ lý nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn T1 có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/02/2025.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông N, bà S liên đới trả tiền vốn vay 138.860.000đồng, ngoài ra không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Ngô Thị Kim S, ông Phạm Văn N trả cho bà T số tiền vốn vay của 07 biên nhận nợ là 138.860.000đồng, do bà T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T tranh chấp với bị đơn ông Phạm Văn N, bà Ngô Thị Kim S số tiền vay 138.860.000đồng nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông N, bà S có nơi cư trú tại ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông N, bà S, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà S, ông T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông N, bà S trả số tiền vốn vay còn nợ 138.860.000.000đồng và để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp 07 biên nhận nợ, ngày 01/7/2017 vay số tiền 39.000.000đ, ngày 30/8/2017 vay số tiền 40.000.000đ, ngày 04/4/2019 vay số tiền 12.800.000đ, ngày 20/7/2019 vay số tiền 8.150.000đ, ngày 20/7/2019 vay số tiền 6.950.000đ, ngày 15/8/2019 vay số tiền 21.960.000đ, ngày 18/11/2019 vay số tiền 10.000.000đ, tất cả các biên nhận nợ đều có chữ ký tên, ghi họ và tên ông Phạm Văn N, bà Ngô Thị Kim S, M khác bị đơn ông N, bà S đã được tống đạt hợp lệ thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến xem như mặc nhiên thừa nhận có nhận tiền vay của bà T. Điều này hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự là tình tiết sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL - UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Lệ T về hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Phạm Văn N, bà Ngô Thị Kim S trả cho bà Trần Thị Lệ T số tiền vốn vay còn nợ 138.860.000đồng(một trăm ba mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, ông N, bà S không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Ông Phạm Văn N, bà Ngô Thị Kim S phải chịu 6.943.000đồng (Sáu triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà T số tiền 3.500.000đồng(ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011679 ngày 11/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Ngọc Thảo